

Bản án số: 23/2025/HS-ST
Ngày: 29-9-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - THANH HÓA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Cao Cường.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Khắc Tấn;

2. Bà Dương Thị Ngọc Trang.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Thanh Hóa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hùng Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại Tòa án nhân dân khu vực 6 - Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 21/2025/TLST-HS ngày 12 tháng 9 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2025/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 9 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Văn T** - sinh ngày: 12/8/1985, tại xã H, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Xóm A H, xã H, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên Chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn R (đã chết) và bà Vũ Thị N; có vợ là Bùi Thị L và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” kể từ ngày 25/7/2025 cho đến nay (có mặt).

2. **Trịnh Thị O** - sinh ngày: 20/11/1978, tại xã T, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn M, xã T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Thế Đ (đã chết) và bà Phạm Thị Y; có chồng là Lê Văn H và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” kể từ ngày 25/7/2025 cho đến nay (có mặt).

- **Người đại diện hợp pháp của bị hại (bà Lê Thị H1):** Chị Nguyễn Thị Thu H2 - sinh năm: 2005 (là con gái của bị hại); nơi cư trú: Thôn M, xã T, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** Hợp tác xã V; địa chỉ trụ sở: Số D, đường T, phường N, tỉnh Ninh Bình (trước là: Số D, đường T, phường Q, thành phố N, tỉnh Nam Định);

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Vũ Văn C - sinh năm: 1971; nơi cư trú: Xóm B, xã H, tỉnh Ninh Bình (trước là: Xóm E, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định) (vắng mặt).

- Người làm chứng:

+ Anh Đinh Văn T1 - sinh năm: 1988; nơi cư trú: Xóm G, xã H, tỉnh Ninh Bình (trước là: Xóm G, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định) (vắng mặt);

+ Anh Lê Văn L1 - sinh năm: 2001; nơi cư trú: Xóm E, xã H, tỉnh Ninh Bình (trước là: Xóm X, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định) (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ 37 phút ngày 17/6/2025, Nguyễn Văn T (có giấy phép lái xe hạng E số 360076361910) điều khiển xe ô tô khách BKS 18B - 019.11 đi trên Quốc lộ A hướng từ thành phố Hà Nội đi tỉnh Thanh Hóa. Khi đến khu vực ngã ba giao nhau với đường không ưu tiên, có điểm mở sang đường tại Km 296+23, thuộc địa phận thôn Y, xã Y, huyện H, tỉnh Thanh Hóa (nay là thôn Y, xã H, tỉnh Thanh Hóa), T điều khiển xe ô tô khách với tốc độ 71km/h đã đâm va vào xe mô tô BKS 36B2 - 298.62 do Trịnh Thị O (theo báo cáo có giấy phép lái xe) điều khiển, chở phía sau là bà Lê Thị H1, sinh năm 1963, cùng trú tại thôn M, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (nay là thôn M, xã T, tỉnh Thanh Hóa), đi cùng chiều và đang chuyển hướng rẽ trái sang đường. Hậu quả làm bà Lê Thị H1 bị thương tích nặng, được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đ1 thì tử vong; Trịnh Thị O bị thương; xe ô tô BKS 18B - 019.11 và xe mô tô BKS 36B2 - 298.62 bị hư hỏng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T đã phối hợp với các cơ quan chức năng tiến hành khám nghiệm hiện trường, trưng cầu giám định và thu thập tài liệu, chứng cứ.

*** Kết quả khám nghiệm hiện trường:**

Hiện trường chung không còn nguyên vẹn do nạn nhân đã được đưa đi khỏi hiện trường, tuy nhiên hệ thống dấu vết, phương tiện còn nguyên vẹn.

Hiện trường nơi xảy ra vụ tai nạn tại Km 296+23 đường Q, thuộc địa phận thôn Y, xã Y, huyện H, tỉnh Thanh Hóa (nay là thôn Y, xã H, tỉnh Thanh Hóa) ngay khoảng mở của dải phân cách cứng giữa đường. Đường được trải nhựa bằng phẳng, có dải phân cách cứng giữa đường phân chia hai chiều đường riêng biệt. Lòng đường hướng thị xã B (cũ) đi thành phố T (cũ) rộng 10,8m, có vạch kẻ trắng nét đứt phân chia 3 làn đường (02 làn đường dành cho xe cơ giới và 01 làn đường dành cho xe thô sơ đều rộng 3,6m), hướng Nam đi về phía thành phố T (cũ), hướng Bắc đi về phía thị xã B (cũ). Đường Q nơi xảy ra vụ tai nạn là đoạn đường thẳng, không có hệ thống đèn tín hiệu. Cách khu vực hiện trường nơi xảy ra vụ tai nạn về hướng Bắc 102m, tại mép lề cỏ bên phải đường có hệ thống biển báo “giao nhau với đường không ưu tiên”.

Lấy cột mốc Km296 tại lề đường bên phải đường Q hướng thị xã B (cũ) đi thành phố T (cũ) làm mốc chuẩn, dựng đường thẳng ảo qua mốc vuông góc với trục đường Quốc lộ ký hiệu: A (mô tả trên sơ đồ hiện trường).

Lấy mép dải phân cách cứng giữa đường Q làm mép chuẩn (kẻ đường thẳng ảo tại khoảng mở dải phân cách cứng song song với chiều đường QL1A), ký hiệu: B (mô tả trên sơ đồ hiện trường).

Tiến hành khám nghiệm, ghi nhận các dấu vết, phương tiện, hiện trường theo chiều B - Nam (chiều đường thị xã B (cũ) - thành phố T (cũ)) thể hiện như sau:

Vị trí số 1: Xe ô tô BKS 18B - 019.11 dừng đỗ trên đường QL1A, đầu xe quay hướng đi thành phố T (cũ), đuôi xe quay hướng thị xã B (cũ). Đo từ trục bánh sau bên phải xe ô tô cách (A) về phía Bắc 17,24m. Đo từ trục bánh trước bên trái xe ô tô cách (B) về phía Tây 0,8m, trục bánh sau bên trái xe cách (B) về phía Tây 0,9m.

Vị trí số 2: Hệ thống vết cà trượt không liên tục trên mặt đường dài 11,4m, điểm rộng nhất của vết cà là 0,06m, vết có chiều Bắc - N. Đầu vết cách (A) về phía Bắc 17,7m, đầu vết cách (B) về phía Tây 1,3m, cuối vết trùng với giá đỡ chân bên phải xe mô tô (3). Đầu vết cà trượt nằm phía dưới gầm xe ô tô (1).

Vị trí số 3: Xe mô tô BKS 36B2 - 298.62 nằm đổ nghiêng phải trên đường. Đầu xe nằm chệch hướng T, đuôi xe nằm chệch hướng Đông Nam. T2 trục bánh trước xe mô tô cách (B) về phía Tây 0,2m, trục bánh sau cách (B) về phía Đông 0,65m. Đo từ trục trước xe mô tô cách trục bánh trước bên trái xe ô tô (1) 6,6m.

Vị trí số 4: Vết máu trên mặt đường trên diện (0,9m x 1m). T2 vết máu cách (B) về phía Đông 0,7m, cách trục bánh sau xe mô tô (3) 0,6m.

Quá trình khám nghiệm, đã tạm giữ xe ô tô BKS 18B - 019.11 và xe mô tô BKS 36B2-298.62.

* Kết quả khám nghiệm cơ chế hình thành dấu vết:

Tại Kết luận giám định số 2310/KL-KTHS ngày 02/7/2025 của Phòng K, Công an tỉnh T kết luận:

1. Điểm va chạm đầu tiên giữa hai phương tiện: Mặt trước bên trái đầu xe cách thành xe bên trái 126cm xe ô tô khách BKS 18B - 019.11 với mặt sau ngoài giá đỡ chân trước bên trái đến bên trái tay nâng, bên trái biển số xe mô tô BKS 36B2 - 298.62.

2. Tại thời điểm va chạm, xe mô tô BKS 36B2 - 298.62 chuyển động từ phải sang trái, gần vuông góc so với chuyển động của xe ô tô khách BKS 18B - 019.11.

3. Vị trí va chạm giữa hai phương tiện nằm trước đầu vết cà trượt số (2), được thể hiện trong biên bản khám nghiệm hiện trường và sơ đồ hiện trường, thuộc làn đường phía ngoài dành cho xe cơ giới của chiều đường từ thị xã B (cũ) đi thành phố T (cũ) và trong khu vực khoảng mở của dải phân cách cứng.

4. Không đủ cơ sở xác định tốc độ của hai phương tiện thời điểm va chạm.

5. Ngoài dấu vết va chạm giữa xe ô tô khách BKS 18B - 019.11 với xe mô tô BKS 36B2 - 298.62, không phát hiện thấy dấu vết va chạm với người, đồ vật và phương tiện khác.

* Kết quả khám nghiệm tử thi:

Tại Kết luận giám định tử thi số 2420/KLGĐTT-PC09 ngày 11/7/2025 của Phòng K, Công an tỉnh T kết luận: Nguyên nhân chết của bà Lê Thị H1 do chấn thương sọ não.

* Kết quả giám định nồng độ cồn, ma túy trong máu:

- Tại Kết luận giám định số 4912/KL-KTHS ngày 30/6/2025 của V1, Bộ C1 kết luận:

Trong mẫu máu thu của Trịnh Thị O (sinh năm: 1978, trú tại xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa) (ký hiệu M01) gửi giám định không tìm thấy ethanol (cồn).

Trong mẫu máu thu của Nguyễn Văn T (sinh năm: 1985, trú tại xã H, huyện H, tỉnh Nam Định) gửi giám định không tìm thấy ethanol (cồn).

- Tại Kết luận giám định số 4907/KL-KTHS ngày 24/7/2025 của V1, Bộ C1 kết luận: Không tìm thấy chất ma túy và sản phẩm chuyển hóa của chất ma túy trong mẫu máu của Nguyễn Văn T và Trịnh Thị O gửi giám định.

* Kết quả giám định dữ liệu điện tử:

Tại Kết luận giám định số 2386/KL-KTHS ngày 09/7/2025 của Phòng K, Công an tỉnh T kết luận: Không phát hiện thấy dấu vết chỉnh sửa, cắt ghép nội dung hình ảnh trong 02 (hai) tệp video của 01 (một) USB gửi giám định. Trích xuất một số hình ảnh trong tệp video gửi giám định - Thể hiện trong Phụ lục.

* Việc định giá tài sản:

Tiến hành kiểm tra và khảo sát, xác định tài sản bị thiệt hại, hư hỏng của xe mô tô BKS 36B2 - 298.62, xe ô tô BKS 18B - 019.11 do tai nạn giao thông:

- Xe mô tô BKS 36B2 - 298.62 bị cong vênh ốp biển số; nứt vỡ ốp đèn hậu. Chi phí thay mới và sửa chữa là 130.000 đồng (một trăm ba mươi nghìn đồng).

- Xe ô tô BKS 18B - 019.11 bị rách cản trước và mó cản trước bên trái. Chi phí thay mới và sửa chữa xe ô tô BKS 18B - 019.11 là 2.970.000 đồng (hai triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng).

Do thiệt hại tài sản không đáng kể nên các chủ sở hữu hợp pháp của các phương tiện nêu trên không có yêu cầu về việc bồi thường, các bên tự sửa chữa, khắc phục và không có khiếu nại, thắc mắc gì khác. Vì vậy, Cơ quan điều tra không yêu cầu định giá thiệt hại đối với các tài sản nêu trên.

* Kết quả tra cứu giấy phép lái xe của Trịnh Thị O:

Quá trình làm việc, Trịnh Thị O khai báo đã được cấp giấy phép lái xe nhưng bị thất lạc. Qua tra cứu tại Phòng C2 Công an tỉnh T, kết quả: Trịnh Thị

O đã được cấp giấy phép lái xe hạng A1 số GPLX: 381105002523, nơi cấp: Sở G (nay là Sở G), cấp ngày: 29/7/2022.

* Dữ liệu về tốc độ, giám sát hành trình:

Xe ô tô khách BKS 18B - 019.11 được lắp thiết bị giám sát tốc độ, định vị hành trình và lắp camera hành trình. Kết quả trích xuất dữ liệu tốc độ xác định thời điểm trước khi xảy ra va chạm, xe ô tô di chuyển với tốc độ 71km/h.

* Về trách nhiệm dân sự:

- Bị cáo Nguyễn Văn T và Hợp tác xã V (người đại diện theo ủy quyền là anh Vũ Văn C) đã thỏa thuận bồi thường tổng số tiền là 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng), bị cáo Trịnh Thị O đã thỏa thuận bồi thường số tiền là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) cho gia đình bị hại bà Lê Thị H1. Người đại diện hợp pháp của bị hại đã nhận đủ số tiền trên và không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

- Đối với thiệt hại của xe ô tô khách BKS 18B - 019.11 và xe mô tô BKS 36B2 - 298.62, các chủ sở hữu hợp pháp của các phương tiện này đều không có yêu cầu bồi thường thiệt hại.

- Đối với thương tích của bị cáo Trịnh Thị O, do thương tích nhẹ nên bị cáo O không yêu cầu giám định thương tích và không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

* Về việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng:

- Quá trình điều tra đã xác định: 01 (một) xe ô tô khách BKS 18B - 019.11, nhãn hiệu THACO MOBIHOME; 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, có giá trị đến ngày 15/6/2027; 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS và tự nguyện của chủ xe ô tô; 01 (một) giấy biên nhận thể chấp của A đề ngày 17/6/2025, kèm theo 01 (một) bản phô tô giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, thuộc sở hữu hợp pháp của Hợp tác xã V (người đại diện theo ủy quyền là anh Vũ Văn C). 01 (một) xe mô tô BKS 36B2 - 298.62, nhãn hiệu HONDA WAVE RSX, màu đỏ-đen-xám và 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, thuộc sở hữu hợp pháp của bị cáo Trịnh Thị O. Sau khi phục vụ cho quá trình điều tra, giải quyết vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại các phương tiện và giấy tờ liên quan nêu trên cho anh Vũ Văn C và bị cáo Trịnh Thị O.

- 01 (một) giấy phép lái xe hạng E, tạm giữ của bị cáo Nguyễn Văn T và 01 (một) USB đựng trong phong bì niêm phong (bên trong chứa dữ liệu hình ảnh liên quan đến vụ tai nạn giao thông đã giám định) được chuyển theo hồ sơ vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 20/CT-VKSKV6 ngày 12 tháng 9 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Thanh Hóa đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T, Trịnh Thị O về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, người đại diện hợp pháp của bị hại là chị Nguyễn Thị Thu H2 không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn T, Trịnh Thị O giữ nguyên lời khai tại Cơ quan điều tra và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, thừa nhận bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Thanh Hóa truy tố là hoàn toàn đúng với hành vi mà các bị cáo đã thực hiện.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, kết luận giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Trịnh Thị O phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”;

- Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự,

- + Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 18 tháng đến 21 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 tháng đến 42 tháng;

- + Xử phạt bị cáo Trịnh Thị O từ 15 tháng đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng;

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo;

- Về trách nhiệm dân sự:

- + Bị cáo Nguyễn Văn T và Hợp tác xã V đã tự nguyện thỏa thuận, bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại bà Lê Thị H1 với tổng số tiền là 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng). Bị cáo Trịnh Thị O đã tự nguyện thỏa thuận, bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại bà Lê Thị H1 số tiền là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng). Người đại diện hợp pháp của bị hại là chị Nguyễn Thị Thu H2 (con gái của bà Lê Thị H1) đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- + Đối với thiệt hại của xe ô tô khách BKS 18B - 019.11 và xe mô tô BKS 36B2 - 298.62, các chủ sở hữu hợp pháp của các phương tiện này đều không yêu cầu bồi thường thiệt hại, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- + Đối với thương tích của bị cáo Trịnh Thị O, do thương tích nhẹ nên bị cáo O không yêu cầu giám định thương tích và không yêu cầu bồi thường thiệt hại, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về vật chứng: Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, trả lại 01 (một) giấy phép lái xe hạng E, số 360076361910 mang tên Nguyễn Văn T cho bị cáo Nguyễn Văn T.

- Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Các bị cáo thống nhất với luận tội và không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Khi nói lời sau cùng, các bị cáo nhận tội và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt đến mức thấp nhất cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Thanh Hóa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh:

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, kết quả khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, khám phương tiện, các kết luận giám định, vật chứng vụ án và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng 06 giờ 37 phút ngày 17/6/2025, Nguyễn Văn T (có giấy phép lái xe hạng E số 360076361910) điều khiển xe ô tô khách BKS 18B - 019.11 đi trên Quốc lộ A, hướng từ thành phố Hà Nội đi tỉnh Thanh Hóa. Khi đi đến Km 296+23 thuộc địa phận thôn Y, xã Y, huyện H, tỉnh Thanh Hóa (nay là thôn Y, xã H, tỉnh Thanh Hóa), do T thiếu chú ý quan sát, không giảm tốc độ, không dừng lại để bảo đảm an toàn khi đi đến đoạn đường có báo hiệu cảnh báo nguy hiểm, nơi đường bộ giao nhau cùng mức với đường bộ dẫn đến va chạm với xe mô tô BKS 36B2 - 298.62 do Trịnh Thị O (đã được cấp giấy phép lái xe hạng A1 số 381105002523) điều khiển, chở phía sau là bà Lê Thị H1, đi cùng chiều và đang chuyển hướng rẽ trái sang đường; hậu quả làm bà H1 tử vong. Hành vi của Nguyễn Văn T đã vi phạm điểm b, d khoản 3 Điều 12 của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

Đối với Trịnh Thị O, là người điều khiển xe mô tô tham gia giao thông, chuyển hướng xe nhưng thiếu chú ý quan sát, không bảo đảm khoảng cách an toàn với xe phía sau, đã vi phạm khoản 2 Điều 15 của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ, dẫn đến hậu quả làm chết người.

Vụ tai nạn giao thông xảy ra do lỗi hỗn hợp của Nguyễn Văn T và Trịnh Thị O gây ra hậu quả làm chết 01 (một) người.

Do đó, hành vi nêu trên của các bị cáo Nguyễn Văn T, Trịnh Thị O đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân

khu vực 6 - Thanh Hóa đã truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất, mức độ hành vi, hậu quả:

Trong vụ án này, các bị cáo Nguyễn Văn T, Trịnh Thị O có lỗi hỗn hợp. Các bị cáo phạm tội với vai trò độc lập nên mỗi bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự độc lập về hành vi phạm tội của mình.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, có lỗi vô ý, có tính chất nghiêm trọng, không những trực tiếp xâm phạm đến trật tự an toàn giao thông đường bộ, gây thiệt hại về tính mạng của người khác mà còn ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Vì vậy, cần xử lý nghiêm để cải tạo, giáo dục các bị cáo có ý thức tuân theo pháp luật, đồng thời để giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm chung.

[4]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Các bị cáo Nguyễn Văn T, Trịnh Thị O đều có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại và được người đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Trịnh Thị O có bố là ông Trịnh Thế Đ, ông Đ có thời gian công tác XYZ, được tặng thưởng huân chương chiến sỹ giải phóng hạng Ba và có thời gian tham gia dân công hỏa tuyến nên bị cáo O được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5]. Về hình phạt:

Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo và việc cho các bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự cũng đủ điều kiện cải tạo các bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự:

- Bị cáo Nguyễn Văn T và Hợp tác xã V đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại bà Lê Thị H1 với tổng số tiền là 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng). Bị cáo Trịnh Thị O đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho

gia đình bị hại bà Lê Thị H1 số tiền là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng). Người đại diện hợp pháp của bị hại là chị Nguyễn Thị Thu H2 (con gái của bà Lê Thị H1) đã nhận đủ số tiền bồi thường thiệt hại đúng như thỏa thuận và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với thiệt hại của xe ô tô khách BKS 18B - 019.11 (chủ sở hữu hợp pháp là Hợp tác xã V), xe mô tô BKS 36B2 - 298.62 (chủ sở hữu hợp pháp là bị cáo Trịnh Thị O), các chủ sở hữu hợp pháp của các phương tiện này đều không yêu cầu bồi thường thiệt hại, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với thương tích của bị cáo Trịnh Thị O, do thương tích nhẹ nên bị cáo O không yêu cầu giám định thương tích và không yêu cầu bồi thường thiệt hại, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về vật chứng:

- Quá trình điều tra đã xác định: 01 (một) xe ô tô khách BKS 18B - 019.11, nhãn hiệu THACO MOBIHOME; 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, có giá trị đến ngày 15/6/2027; 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS và tự nguyện của chủ xe ô tô; 01 (một) giấy biên nhận thể chấp của A đề ngày 17/6/2025, kèm theo 01 (một) bản phô tô giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, chủ sở hữu là Hợp tác xã V. 01 (một) xe mô tô BKS 36B2 - 298.62, nhãn hiệu HONDA WAVE RSX, màu đỏ-đen-xám và 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, chủ sở hữu là bị cáo Trịnh Thị O. Sau khi phục vụ cho quá trình điều tra, giải quyết vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T đã quyết định xử lý, trả lại phương tiện và giấy tờ liên quan nêu trên cho chủ sở hữu hợp pháp. Việc xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra là đúng quy định của pháp luật.

- Đối với 01 (một) giấy phép lái xe hạng E, số 360076361910 mang tên Nguyễn Văn T, hiện đang lưu trong hồ sơ vụ án, vì Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T.

- Đối với 01 (một) USB được đựng trong phong bì niêm phong (bên trong chứa dữ liệu hình ảnh liên quan đến vụ tai nạn giao thông đã được giám định), cần tiếp tục lưu giữ kèm theo hồ sơ vụ án.

[8]. Về vấn đề khác: Đối với xe mô tô BKS 36B2 - 298.62, chiếc xe này có nguồn gốc do bị cáo Trịnh Thị O mua lại của anh Trịnh Văn Q, sinh năm 1990, trú tại thôn M, xã T, tỉnh Thanh Hóa. Nhưng sau khi mua xe, bị cáo O không làm thủ tục cấp chứng nhận đăng ký xe, biển số xe trong trường hợp thay đổi chủ xe theo quy định. Hành vi của bị cáo O đã vi phạm điểm a khoản 3 Điều 32 của Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông trong lĩnh vực giao thông đường bộ. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã chuyển toàn bộ tài liệu có liên quan đến Phòng C2 Công an tỉnh T để xem xét xử lý hành chính đối với bị cáo O là đúng quy định của pháp luật.

[9]. Về án phí và quyền kháng cáo:

Các bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm a khoản 1 Điều 260; Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Trịnh Thị O;

- Điểm b khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

- Khoản 1 Điều 21 và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

* Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn T, Trịnh Thị O phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”;

* Xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Văn T 18 (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (ba mươi sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (29/9/2025).

- Bị cáo Trịnh Thị O 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (ba mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (29/9/2025).

Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Ninh Bình quản lý, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Trịnh Thị O cho Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Thanh Hóa quản lý, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Về vật chứng: Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T 01 (một) giấy phép lái xe hạng E, số C, mang tên Nguyễn Văn T.

- Về án phí và quyền kháng cáo:

Các bị cáo Nguyễn Văn T, Trịnh Thị O mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND khu vực 6 - Thanh Hóa;
- CQCSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa;
- CQTHAHS Công an tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo; người đại diện hợp pháp của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Cao Cường